| | |
|---|---|
| **TÒA ÁN NHÂN DÂN**<br>**THÀNH PHỐ THỦ ĐỨC**<br>**THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**<br>**Độc lập – Tự do – Hạnh phúc** |
| Số: 550/2025/QĐST-HNGĐ | *Thành phố Thủ Đức, ngày 17 tháng 3 năm 2025* |

# QUYẾT ĐỊNH
# CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

## TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ THỦ ĐỨC, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213, Điều 397 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 51, Điều 55 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Luật Phí và lệ phí năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ hôn nhân gia đình thụ lý số 466/2025/TLST-HNGĐ ngày 06 tháng 3 năm 2025 về việc "Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôngồm những người tham gia tố tụng sau đây:

*Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:*

**1.** Ông Trịnh Cao Đ – Sinh năm: 1967

Địa chỉ: Số B Đường A, phường B, thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh.

**2.** Bà Kiều Mỹ D – Sinh năm: 1967

Địa chỉ: Số B Đường A, phường B, thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Tại biên bản hòa giải đoàn tụ không thành ngày 07/3/2025, ông Trịnh Cao Đ và bà Kiều Mỹ D đã thỏa thuận được về quan hệ hôn nhân, con chung, tài sản chung, nợ chung.

[2] Các thỏa thuận của các đương sự được ghi trong Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành ngày 07/3/2025 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của pháp luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

## QUYẾT ĐỊNH:

**1.** Công nhận sự thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Ông Trịnh Cao Đ và bà Kiều Mỹ D thuận tình ly hôn.

- Về con chung: Ông Trịnh Cao Đ và bà Kiều Mỹ D cùng trình bày có 02 con chung tên Trịnh Cao X (sinh ngày 21/8/1991, đã trưởng thành) và Trịnh Kiều T (sinh ngày 20/8/1995, đã trưởng thành).

- Về tài sản chung: Ông Trịnh Cao Đ và bà Kiều Mỹ D cùng trình bày tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết

**2**. Về lệ phí Tòa án: Lệ phí việc hôn nhân sơ thẩm là 300.000đồng (Ba trăm ngàn) đồng do ông Trịnh Cao Đ và bà Kiều Mỹ D cùng chịu; được khấu trừ vào tiền tạm ứng lệ phí mà ông Trịnh Cao Đ và bà Kiều Mỹ D đã nộp là 300.000đồng (Ba trăm ngàn) đồng theo Biên lai nộp tiền tạm ứng án phí lệ phí Tòa án số 0081889 ngày 26/02/2025 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh. Ông Trịnh Cao Đ và bà Kiều Mỹ D đã nộp đủ tiền lệ phí việc hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

**3.** Giấy chứng nhận kết hôn số 162 tại Ủy ban nhân dân phường B, Quận B (nay là thành phố T), Thành phố Hồ Chí Minh đăng ký ngày 23 tháng 12 năm 2019 không còn giá trị kể từ ngày quyết định này có hiệu lực pháp luật.

**4.** Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

***5.*** Quyền yêu cầu thi hành án, nghĩa vụ thi hành án, thời hiệu thi hành án: Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

***Nơi nhận:***
- Các đương sự;
- TAND TP.HCM;
- VKSND TP.HCM;
- VKSND TP. Thủ Đức;
- Chi cục THADS TP. Thủ Đức;
- UBND P. Bình Trưng Đông, TP. Thủ Đức Thành phố Hồ Chí Minh;
- Lưu:VT, HS.

**THẨM PHÁN**

**Lưu Hải Quỳnh Anh**